| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐIỆN BIÊN**<br>**TỈNH ĐIỆN BIÊN**<br>———— | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**<br>———————— |

Bản án số: 79/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 06/02/2018.
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lường Văn Lương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lò Văn Ơn;

2. Ông Quàng Văn Minh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thúy Dần – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 06/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST – HNGĐ ngày 05/10/2017 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX - ST ngày 04/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/TLST - HNGĐ ngày 18/01/2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lường Thị P – Sinh năm 1988.(có mặt).

Địa chỉ: Bản S, xã P, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

*2. Bị đơn:* Anh Vì Văn L – Sinh năm 1988.(vắng mặt).

Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/10/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lường Thị P (nguyên đơn) trình bày:*

*1. Về hôn nhân:* Tôi và anh L lấy nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh một số mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng.

ồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, sống không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần, chính quyền địa phương đã nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L.

*2. Về con chung:* Chị P khai vợ chồng có 01 con chung là: Vì Mạnh D, sinh ngày 12/12/2009.

Chị P có nguyện vọng  xin được nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa và tại bản tự khai của cháu D là nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

3.Về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung:  không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đối với bị đơn Vì Văn L:***

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện có giấy báo phát bưu gửi lại Tòa án. Các đương sự đều nhận được, nhưng bị đơn Vì Văn L không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị P và anh Vì Văn L lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh L và chị P bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không thể chung sống với nhau và dẫn đến hai người sống ly thân. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần, chính quyền địa phương đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh L đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị P xác định tình cảm của mình đối với anh L không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên toà, chị P vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Toà án giải quyết cho chị đ- ợc ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị P khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị P và áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lường Thị P và anh Vì Văn L.

2. Về con chung:

Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu :Vì Mạnh D, sinh ngày 12/12/2009. Tại bản tự khai của cháu Vì Mạnh D có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Tại phiên tòa chị P có nguyện vọng muốn được nuôi cháu D. HĐXX xét thấy  nguyện vọng của cháu D và chị P là đúng quy định của pháp luật, cho nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị P và giao cháu D cho chị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

*3. Về cấp dưỡng nuôi con:*

Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*4. Về tài sản:*

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*5. Về án phí:*

Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo. Chị P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị P được trả lại số tiền đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0002643 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên.

Đối với bị đơn Vì Văn L không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228/BLTTDS, điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Vì Văn L.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1- Tuyên xử: Cho chị Lường Thị P được ly hôn với anh Vì Văn L.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị P, giao con chung là cháuVì Mạnh D, sinh ngày 12/12/2009 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Chấp nhận việc nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo. Chị P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị P được trả lại số tiền đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0002643 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính.

***Nơi nhận:***
- TAND Tỉnh;
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã M, H ĐB;
--L- u.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lường Văn Lương**